

Số: 2426/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương, UBND cấp huyện

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2457/TTr-SCT ngày 09 tháng 6 năm 2020,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai (danh mục & nội dung đính kèm).

Trong đó:

1. Sửa đổi 43 thủ tục cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

- Lĩnh vực Xúc tiến thương mại: từ thủ tục số 01 đến 06.
- Lĩnh vực Hóa chất: từ thủ tục số 14 đến thủ tục số 19.
- Lĩnh vực An toàn thực phẩm: thủ tục số 21, 22.

- Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước: từ thủ tục 24 đến thủ tục 29.
- Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng: từ thủ tục 41 đến thủ tục 49.
- Lĩnh vực Kinh doanh khí: từ thủ tục 50 đến thủ tục 55.
- Lĩnh vực Điện: từ thủ tục 102 đến thủ tục 109.

2. Sửa đổi 11 thủ tục cấp huyện đã được ban hành tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

- Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước: từ thủ tục số 1 đến thủ tục số 6.
- Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng: từ thủ tục số 10 đến thủ tục số 12.
- Lĩnh vực An toàn thực phẩm: từ thủ tục số 19 đến thủ tục số 20.

3. Bãi bỏ 01 thủ tục cấp tỉnh và 04 thủ tục cấp huyện, như sau:

- Cấp tỉnh: bãi bỏ thủ tục số 23.
- Cấp huyện: bãi bỏ thủ tục số 7, 8, 9 và 21.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác của Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Sở Công Thương, UBND cấp huyện, Trung tâm hành chính công tỉnh và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung Quyết định này tại trụ sở làm việc, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của đơn vị.

Sở Công Thương có trách nhiệm kiến nghị, đề xuất Bộ Công Thương kịp thời sửa đổi, bổ sung Quyết định 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Công Thương cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Công Thương cập nhật nội dung, quy trình lưu đồ giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Trung tâm

hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Công Thương;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Công TTĐT tỉnh.



**CHỦ TỊCH**

**Cao Tiến Dũng**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ  
CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2426 /QĐ-UBND ngày 14 /7 /2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi**

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Xúc tiến Thương mại</b>	
1	Thông báo hoạt động khuyến mại	6
2	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	9
3	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	12
4	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh thành phố thuộc Trung ương	17
5	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	20
6	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	25
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Hóa chất</b>	
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	29
8	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	35
9	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	39
10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	43

11	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	49
12	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp	53
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>	
13	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	57
14	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	66
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>	
15	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	82
16	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	88
17	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	92
18	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	96
19	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	100
20	Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	104
21	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	108
22	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	115
23	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	122
24	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	129
25	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	134
26	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	138
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b>	
27	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	141

28	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	150
29	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	153
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh khí</b>	
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	156
31	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	160
32	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	163
33	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	166
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	170
35	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	173
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Điện</b>	
36	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	176
37	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	181
38	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 mw đặt tại địa phương	185
39	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương	190
40	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	194
41	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương	198
42	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	202
43	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương	207

<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>	
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	211
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	216
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	221
4	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	226
5	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	230
6	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	233
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b>	
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	236
8	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	242
9	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	245
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>	
10	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	248
11	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	256

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>
	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>
1	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước</b>
1	Cấp giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố
3	Cấp lại giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân